

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HS-ST

Ngày: 14-3-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoài Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Huỳnh T, sinh năm 1991 tại tỉnh Trà Vinh; nơi thường trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi ở hiện nay: 261/15/78/7 tổ 10, khu phố A, phường N B, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên công ty; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh V và bà Lê M; bị cáo có vợ tên Lê T; chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương V, Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo T (có mặt).

- Bị hại: Bà Lê D, sinh năm 1988; nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Lê V, sinh năm 1962 và bà Bùi T, sinh năm 1961; cùng nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, là cha mẹ ruột của bị hại (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê V, Luật sư Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đặng K, sinh năm 1986; Thường trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện nay: 218/3 khu phố A, phường L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08/01/2022, Huỳnh T điều khiển xe mô tô biển số 64D1-608.97, phía sau chở Lê D, lưu thông trên đường Bùi công Trừng từ Quận 12 đến đường Lê Văn Khương. Khi đi đến trước nhà số 134 ấp 4, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, T cho xe mô tô do mình điều khiển vượt lên bên hông phải xe ô tô biển số 64H-002.69 do K điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều. Khi vượt lên ngang hông phải xe ô tô, T đã để xe mô tô tự té ngã xuống đường. Khi té ngã, D văng vào găm hông bên phải xe ô tô và bị bánh sau bên phải xe này cán qua người làm D bị thương nặng và chết trên đường đến bệnh viện. Sau tai nạn, K điều khiển xe ô tô rời khỏi hiện trường. Đến chiều cùng ngày, K mang xe đến Công an giao nộp và trình báo sự việc liên quan.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/01/2022 thì địa điểm xảy ra tai nạn là trên đường Bùi Công Trừng rộng 6,7m, được tráng nhựa tương đối bằng phẳng và áp dụng lưu thông hai chiều, ở giữa có vạch sơn không liên tục để phân chiều lưu thông, chiều lưu thông từ Quận 12 đến đường Lê Văn Khương rộng 3,1m, chiều ngược lại rộng 3,6m. Đoạn đường nơi đây không có vỉa hè, chỉ có vạch kẻ liên tục ở hai bên mép lề đường để phân cách phần đường dành cho các phương tiện lưu thông với bờ đất hai bên. Xác định lề phải đường Bùi Công Trừng theo chiều lưu thông từ Quận 12 đến đường Lê Văn Khương làm lề chuẩn. Tại hiện trường ghi nhận:

Vị trí xe mô tô biển số 64D1-608.97 ngã sau tai nạn ở trên phần đường xe mô tô này lưu thông và ngã sát lề phải, trục bánh trước đo cách lề chuẩn 0,8m, trục bánh sau đo cách lề chuẩn 0,0m. Xe mô tô này để lại vết chà dài 3,6m, vết chà nằm bên trong lề chuẩn, điểm đầu đo cách lề chuẩn 0,0m, điểm cuối đo cách lề chuẩn 0,6m.

Vị trí đồng đá xanh tại hiện trường nằm cạnh vị trí xe mô tô biển số 64D1-608.97 ngã và nằm toàn bộ trên bờ đất bên trong lề chuẩn. Đồng đá có kích thước 1,8 x 1,8m. Trung tâm đồng đá đo cách lề chuẩn 0,9m, đo cách trục bánh sau xe mô tô biển số 64D1-608.97 được 1,3m và đo cách điểm cuối vết chà của xe mô tô biển số 64D1-608.97 được 1,0m.

Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ công an số 672/C09B ngày 08/02/2022 kết luận:

“+ Dấu vết gãy vỡ, cong biến dạng, trượt xước bám chất màu đen các chi tiết phía sau xe mô tô biển số 64D1-608.97 (gồm: cung sau chắn bùn bánh sau, bánh sau, vành bánh sau, ốp ống xả) có chiều từ dưới lên trên, từ phải sang trái, từ sau về trước phù hợp với dấu vết trượt xước, bám màng màu xám mặt lăn và

mặt ngoài má bên phải lớp bánh ngoài bên phải trục thứ 3 xe ô tô biển số 64H-002.69 có chiều từ mặt lặn vào tâm, ngược chiều quay tiến bánh xe, khi xe mô tô đã ngã trái.

+ Xe mô tô biển số 64D1-608.97 chuyển động cùng chiều bên phải xe ô tô biển số 64H-002.69 trên đường Bùi Công Trừng theo hướng từ Quận 12 đến đường Lê Văn Khương”.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 52/TT.22 ngày 11/02/2022 của Trung tâm Pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân tử vong của Lê D:

- Đa chấn thương.

- Kết luận khác: Tình trạng chấn thương của nạn nhân rất nặng, khó có khả năng cứu chữa.

Nguyên nhân chính của vụ tai nạn là do lỗi của T điều khiển xe mô tô biển số 64D1-608.97 lưu thông không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn nên trong lúc vượt, T đã để xe mô tô của mình tự té ngã xuống đường. Khi té ngã làm D ngồi sau ngã văng vào gầm hông bên phải xe ô tô biển số 64H-002.69 do K điều khiển và bị bánh sau xe này cán qua người tử vong. T đã vi phạm vào Điều 14, 30 của Luật Giao thông đường bộ Việt Nam.

K điều khiển xe ô tô biển số 64H-002.69 liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn mà không giữ nguyên hiện trường, không cấp cứu người bị tai nạn. K đã vi phạm Điều 38 của Luật Giao thông đường bộ Việt Nam. Đây là lỗi vi phạm hành chính.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKS-HS ngày 18/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Gia đình bị hại đã nhận bồi thường và đã có đơn bãi nại cho bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo là ông T trình bày: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và gia đình bị hại đã có đơn bãi nại; bị cáo không trốn tránh trách nhiệm mà ở lại hiện trường, tích cực cứu giúp bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, hành vi phạm tội thực hiện với lỗi vô ý. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ khác nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là ông Lê D trình bày: Đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi vô ý. Gia đình bị hại đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và nhận của ông K số tiền hỗ trợ là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Gia đình bị hại đã có đơn bãi nại cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 29 của Bộ luật hình sự để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08/01/2022, tại số 134 ấp 4, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, T điều khiển xe mô tô biển số 64D1-608.97 lưu thông không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn nên trong lúc vượt, T đã để xe mô tô của mình tự té ngã xuống đường. Khi té ngã làm D ngồi sau ngã văng vào gầm hông bên phải xe ô tô biển số 64H-002.69 do K điều khiển và bị bánh sau xe này cán qua người tử vong. T đã vi phạm vào Điều 14, 30 của Luật Giao thông đường bộ Việt Nam. Bị cáo T tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, làm chết người khác. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần có một hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] K điều khiển xe ô tô biển số 64H-002.69 liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn mà không giữ nguyên hiện trường, không cấp cứu người bị tai nạn. K đã vi phạm Điều 38 của Luật Giao thông đường bộ Việt Nam. Hành vi này đã bị xử phạt hành chính theo quy định.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, quá trình tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đề cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô biển số 64D1-608.97 do T đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật (BL 91, 95), Hội đồng xét xử không xem xét;

- 01 (một) xe ô tô biển số 64H-002.69 do K đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định chuyển giao xe ô tô này cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện Hóc Môn đề nghị xử lý vi phạm hành chính đối với K theo quy định của pháp luật (BL 98) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; Gia đình bị hại cũng đã nhận hỗ trợ từ K số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm đã có đơn bãi nại cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- UBND phường A, Thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thương